

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10
TRƯỜNG THCS HÒA HƯNG**

**UNIT 2: SCHOOL
LESSON 2**

I. VOCABULARY

1. Lazy (adj)
2. Helpful (adj)
3. Funny (adj)
4. Friendly (adj)
5. Selfish (adj)
6. Kind (adj)

II. WORD FORM

1. friend (n) bạn bè
→ friendly (a) thân thiện
≠ unfriendly (a) không thân thiện
2. fun (n) niềm vui
→ funny (a) vui nhộn
3. help (v) giúp đỡ
→ help (n) sự giúp đỡ
→ helpful (a) hay giúp đỡ
4. kind (a) tốt bụng
≠ unkind (a) không tốt bụng
5. lazy (a) lười biếng
→ laziness (n) sự lười biếng

III. WRITING

Dựa vào câu hỏi gợi ý và useful phrases để viết 1 LÁ THƯ tâ vè BẠN THÂN

What his/her name is

How old he/she is

What he/she is like

What he/she looks like

What he/she does

Suggested answer:

Dear Peter,

Thanks for your email. Your best friend seems really nice.

Let me tell you about my best friend.

My best friend is Quynh. She's 12 years old. She's a student. She's my classmate at school. She's friendly and funny.

She likes making new friends and telling jokes. She's tall and thin. She has brown eyes and short hair.

Write back soon,

Mary

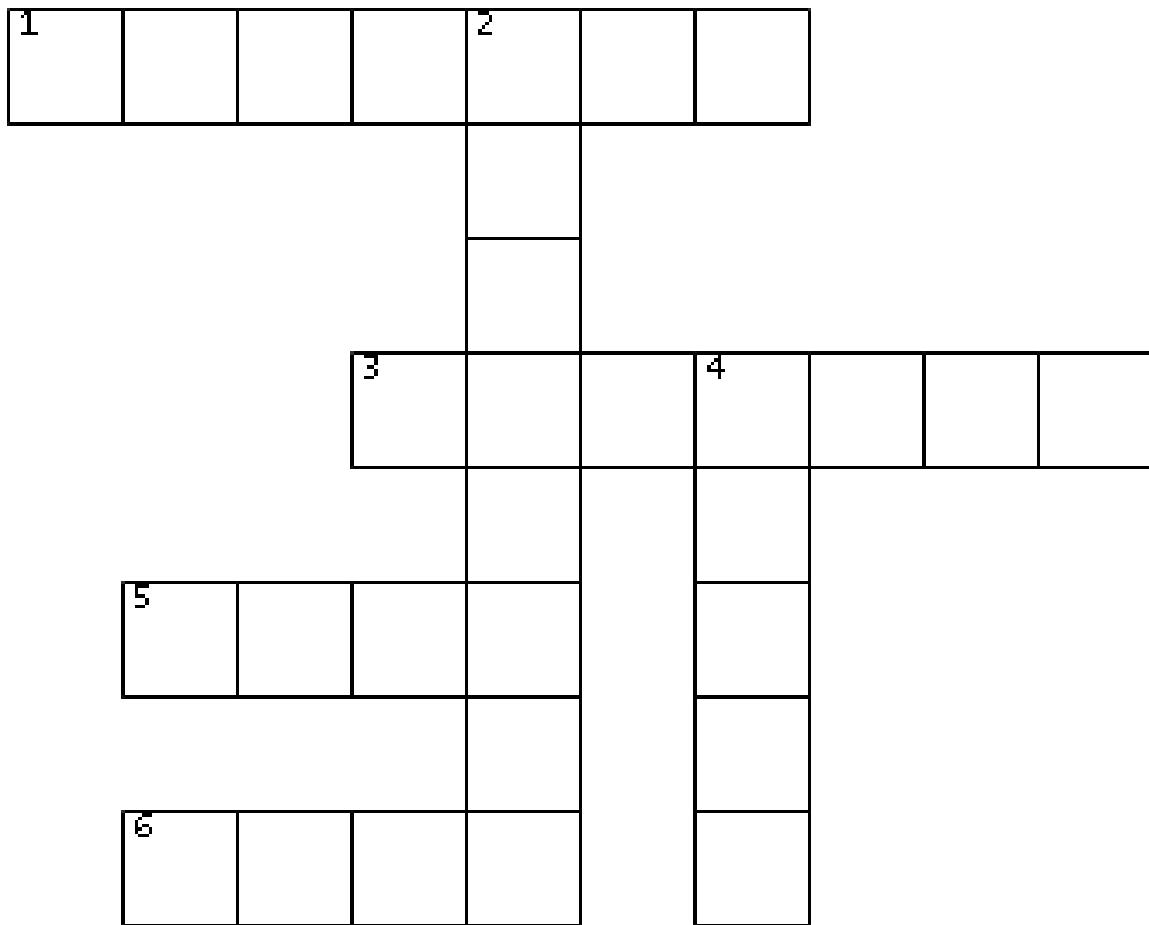
IV. HOMEWORK

Làm Phiếu học tập tuần 11

Làm bài Unit 3 – Lesson 3 trong sách Workbook

Nhóm Tiếng Anh

UNIT 3 – LESSON 3: VOCABULARY



ACROSS

1. this describes someone who is happy and willing to help other people
3. this describes someone who thinks and cares much about him or her than about other people
5. this describes someone who is good, nice to other people
6. this describes someone who is not hard-working

DOWN

2. this describes someone who is nice, kind and easy to make friends with other people
4. this describes someone who makes other people laugh

Hidden Message

Unit 3 – Friends 29)

Lesson 3 – Reading (page

E	V	T	Ø	M	C	Á	M	N	S	T	M	I	D	S
Y	T	I	T	H	E	Ø	C	I	I	U	O	O	N	E
O	P	I	E	F	T	Á	V	M	T	B	E	B	A	D
H	E	P	R	T	M	O	Ø	E	F	S	A	O	L	V
O	R	I	A	O	N	T	N	T	R	E	T	O	F	S
T	O	R	I	H	V	A	E	E	S	Y	T	S	I	O
N	V	I	E	O	T	A	M	N	A	M	E	G	M	T
M	Ø	T	F	Ø	M	I	F	E	Á	S	N	N	V	S
S	T	O	R	I	E	S	L	C	E	R	D	I	A	Y
N	I	C	E	B	U	T	I	I	C	Á	M	H	D	O
E	S	A	L	O	T	O	F	N	F	B	A	T	D	T
H	I	N	G	S	I	T	E	T	O	T	Ø	M	I	N
T	H	E	E	N	N	D	Ø	T	Ø	M	H	T	A	S
A	H	A	P	P	Y	L	I	M	F	E	W	V	H	U
K	U	A	E	H	B	I	S	C	O	U	Y	T	X	E

Find all the following words in the word search.

bad	but	Cám
Cám	does	end
favorite	happy	has
in	In	is
is	life	lot
nice	of	of
one	stories	Tám
Tám	Tám	Tám
the	the	things
to	very	Vietnam

Your hidden messages:

Tám Cám _____

_____ in Vietnam. Tám is _____,

_____ Cám _____ a lot of _____ to

Tám. In _____, Tám has a _____.